TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2024
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 361/2023/TLST–HNGĐ ngày 27/10/2023 về việc "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 421/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Thanh K**, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Hoài T**, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thanh K trình bày: Bà và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 10/7/2019 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 10/7/2019. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trương Minh K1, sinh ngày 23/7/2019, hiện đang sống với bà. Vào đầu năm 2023, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách. Nguyên nhân do ông T có người phụ nữ khác khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột và đã ly thân cho đến nay. Vì tình

trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Hoài T.

Về con chung: Bà K có nguyện vong nuôi con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Bà đồng ý cho ông T được quyền thăm nom con theo pháp luật và nếu sau này bà không đủ điều kiện nuôi con thì ông T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Hoài T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông T.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Thanh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà K và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà K và ông T sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Ông T cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông T có 01 con chung Nguyễn Trương Minh K1, sinh ngày 23/7/2019. Xét thấy, cháu K1 hiện đang sống với bà K, riêng ông T không có ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao cháu K1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh K được ly hôn với ông Nguyễn Văn Hoài T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Minh K1, sinh ngày 23/7/2019 cho bà Trương Thị Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn Hoài T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà Trương Thị Thanh K không yêu cầu ông Nguyễn Văn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Trương Thị Thanh K phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011757 ngày 26/10/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Đại Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa